

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 294/2022/DS-PT

Ngày 13-7-2022

V/v tranh chấp dân sự về
chia thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 5 năm 2022 và ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020, về việc “*Tranh chấp dân sự về chia thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Nguyễn Văn Ngọc L (tự là L), sinh năm 1973;

2. Bà Nguyễn Thị Kim U, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân H, tp Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông L, bà U: Bà Võ Thị Nh, sinh năm 1957.

Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 15/5/2020.

Địa chỉ: Số, đường Thiên Hộ D, phường, thành phố Cao L.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân H, tp Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th: Luật sư Vũ Tuấn Anh-Công ty Luật Hợp danh Sao Mai- Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956;

Người đại diện hợp pháp của bà L1: Bà Võ Thị Nhung, sinh năm 1957.
Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 15/5/2020.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954;

3. Chị Nguyễn Thị Diễm Thúy, sinh năm 1979;

4. Chị Nguyễn Thị Điều H, sinh năm 1980;

5. Chị Nguyễn Thị Bích L2, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân H, tp Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

6. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1963;

Người đại diện hợp pháp của ông Ph: Bà Võ Thị Nh, sinh năm 1957. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 15/5/2020.

7. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh năm 1967;

8. Anh Nguyễn Long Tr, sinh năm 1986;

9. Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân H, tp Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Cùng chỗ ở hiện nay: Ấp, xã Thới H, huyện Cờ Đ, thành phố Cần Thơ.

10. Bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân H, tp Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

11. Bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Khóm3, Phường An Th, thị xã Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

12. Ông Lê Thái H2, sinh năm 1959;

13. Chị Lê Thị Cẩm N1, sinh năm 1986;

14. Chị Lê Thị Cẩm T1, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân H, tp Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

15. Bà Lê Thị L3, sinh năm 1958;

16. Anh Nguyễn Duy T2, sinh năm 1984;

17. Anh Nguyễn Duy Kh, sinh năm 1982;

Người đại diện hợp pháp của anh Kh: Bà Võ Thị Nh, sinh năm 1957. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 15/5/2020.

18. Chị Huỳnh Thị Huỳnh Tr1, sinh năm 1980;

19. Cháu Nguyễn Huỳnh Phương U, sinh ngày: 25/4/2007;

20. Cháu Nguyễn Huỳnh Phương L4, sinh năm 2012;

Người đại diện theo pháp luật của Phương U, Phương L: Anh Nguyễn Duy Kh, sinh năm 1982 (cha ruột);

Cùng địa chỉ: Khóm, phường An Th, tp Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Cùng chỗ ở hiện nay: Ấp, xã Thới H, huyện Cờ Đ, thành phố Cần Thơ.

21. Anh Lê Oai Ph1, sinh năm 1999;

22. Chị Lê Thị Thúy D1, sinh năm 1991;

23. Chị Lê Thị Thúy A1, sinh năm 1987;

24. Anh Lê Oai C, sinh năm 1985;

25. Ông Lê Văn B, sinh năm 1957;

Cùng địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân H, tp Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

26. Chị Lê Thị Cẩm T3, sinh năm 1985;

27. Anh Huỳnh Văn K, sinh năm 1980;

28. Cháu Huỳnh Thị Kim Huyền, sinh ngày 25/12/2005;

29. Cháu Huỳnh Duy Anh, sinh ngày 09/9/2009;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Kim H, cháu Duy A: Chị Lê Thị Cẩm T3 (mẹ ruột), sinh năm 1985;

30. Ông Huỳnh Văn Th1, sinh năm 1930;

31. Bà Hồ Thị D, sinh năm 1941;

Cùng địa chỉ: Ấp Bình Hòa H, xã Thường Thới H, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

32. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1950;

33. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952;

34. Anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1984;

35. Anh Nguyễn Hữu Ch, sinh năm 1986;

36. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân H, tp Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

37. Ủy ban nhân dân thị xã Hồng N;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn Đ, Chức vụ: Chủ tịch;

Địa chỉ: Khóm An T, phường An L, tp Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Kim U là nguyên đơn; Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ph là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Bà Nh, bà Th, chị Bích L, chị T1, Luật sư có mặt tại phiên tòa. Các đương sự còn lại có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ngọc L trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn T (tự là Nguyễn Văn R và ông Ba T, chết năm 2015) và cụ Phan Thị H (chết năm 2002) sinh được 08 (tám) người con: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C (đã chết năm 2013), ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị Kim U, bà Nguyễn Thị Bích Th, bà Nguyễn Thị Bích D, ông Nguyễn Văn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Bích V. Cụ T và cụ H chết có để lại di sản gồm: Diện tích đất thổ cư (giáp lộ), diện tích đất ao, diện tích đất nghĩa địa và một căn nhà phủ thờ gắn liền trên đất, tổng cộng diện tích đất tranh chấp đo đạc là 6.123m², trong đó, phần đất ao diện tích 3.932m² cụ T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995, còn phần đất còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi còn sống cụ T có chia cho bà Nguyễn Thị Kim U, ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Bích Th mỗi người một nền nhà. Bà U, ông Ph, bà L1 và bà Th đã sử dụng phần đất được cho cất nhà ở. Riêng ông L được cụ T cho căn nhà phủ thờ, bà D, bà V và ông C đã có gia đình riêng nên không được cụ T cho đất. Khi cụ T cho đất cho các con không rõ diện tích bao nhiêu, vì khi cho đất chỉ nói miệng chứ không có làm giấy tờ gì, việc cho đất không nhớ rõ cho năm nào, tuy nhiên có cấm trụ đá ranh.

Vào ngày 01/9/2014, cụ T lập tờ di chúc giao toàn bộ tài sản trên lại cho bà Thtạm quản lý làm phủ thờ, không được bán hoặc tặng cho ai hết. Năm 2015 bà Th cất tên của ông L khỏi hộ khẩu cụ T và kê khai đứng tên phần đất của cụ T, ngày 29/5/2015 bà Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 13/7/2015, bà Th cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó bà Th nhập hộ khẩu của ông L lại, ông L không hay biết. Ngày 28/8/2015, bà Th chuyển quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất trên lại cho con gái tên là Lê Thị Cẩm T3 đứng tên, các anh chị em đang sống trên phần đất của cụ T không hay biết. Sau khi bà Th chuyển quyền sử dụng đất cho Cẩm T xong, khoảng 01 (một) tháng thì cụ T chết.

Ông L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích Th chia thừa kế phần đất của cụ T và cụ H chết để lại có diện tích 3.932m², thuộc thửa đất số 428, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp thành 08 (tám) phần bằng nhau cho các con của cụ T và cụ H mỗi người được hưởng một phần theo quy định pháp luật. Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn T với bà Nguyễn Thị Bích Th và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Bích Th với chị Lê Thị Cẩm T3.

Ngày 04/10/2018, ông Lkhởi kiện bổ sung yêu cầu: Chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 6.123m², thuộc thửa đất số 428, tờ bản đồ số 02, hiện bà Thđang quản lý, thành 08 phần bằng nhau mỗi người được hưởng một phần theo quy định pháp luật sau khi đã trừ phần đất nền nhà phủ thờ diện tích 286m² và phần đất nghĩa địa diện tích 415m². Ông L yêu cầu được quản lý và sử dụng phần đất nghĩa địa diện tích 415m² và căn nhà phủ thờ, kể cả phần đất gắn liền với căn nhà phủ thờ diện tích 286m². Ông L yêu cầu được nhận tài sản, không đồng ý nhận giá trị tài sản.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Lê Thị Cẩm T3.

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích Th chia thừa kế giá trị sử dụng đất ao (Lợi nhuận thu được từ việc sử dụng đất ao) tính từ năm 2015 đến năm 2019 là 05 năm x 40.000.000 đồng/năm bằng 200.000.000 đồng thành 08 (tám) phần bằng nhau cho mỗi người được hưởng một phần theo quy định pháp luật.

- Ông L thống nhất số tiền bà Th chi ra trả nợ cho Ngân hàng cả vốn lẫn lãi là 36.000.000 đồng và thống nhất chịu một phần theo quy định của pháp luật để trả lại cho bà Th nếu bà Th có yêu cầu.

Đối với các loại cây trồng trên đất tranh chấp, chi phí phụng dưỡng và mai táng ông T, ông L không có tranh chấp.

- Đối với nền mộ của ông Nguyễn Văn C, nếu được chia thì ông L thống nhất không yêu cầu di dời.

- Phần đất đang tranh chấp có một phần đất của ông T4 là do lúc trước bà nội của ông là cụ Trần Thị Đ cho cha ông là cụ T, sau này cha ông cho lại bà D (không biết diện tích). Ông L thống nhất với diện tích thẩm định thực tế, thống nhất ranh đất với ông Nguyễn Văn T4 và không có yêu cầu, không có tranh chấp gì với ông Nguyễn Văn T4.

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim U trình bày:*

Bà Uthống nhất theo lời trình bày của ông Lvề nguồn gốc tài sản đang tranh chấp, hàng thừa kế. Theo bà U khi cụ T còn sống có cho đất cho các con như ông L trình bày, nhưng chỉ cho miệng chứ không có làm giấy tờ gì và không biết cho diện tích bao nhiêu. Việc cụ T lập di chúc để lại tài sản cho bà Th thì bà U không biết.

Nay bà U yêu cầu như sau:

- Chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 6.123m², thuộc thửa đất số 428, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, hiện bà Th đang quản lý, thành 08 phần bằng nhau cho ông được hưởng một phần theo quy định pháp luật sau khi đã trừ phần đất nền nhà phủ thờ diện tích 286m² và phần đất nghĩa địa diện tích 415m². Bà U thống nhất để ông L được quản lý và sử dụng phần diện tích đất nghĩa địa 415m² và căn nhà phủ thờ, kể cả phần đất gắn liền với căn nhà phủ thờ 286m². Bà U yêu cầu được nhận tài sản, không đồng ý nhận giá trị tài sản.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Lê Thị Cẩm T3.

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích Th chia thừa kế giá trị sử dụng đất ao (Lợi nhuận thu được từ việc sử dụng đất ao) tính từ năm 2015 đến năm 2019 là 05 năm x 40.000.000 đồng/năm bằng 200.000.000 đồng thành 08 (tám) phần bằng nhau cho mỗi người được hưởng một phần theo quy định pháp luật.

- Bà U thống nhất số tiền bà Th chi trả nợ cho Ngân hàng cả vốn lẫn lãi là 36.000.000 đồng và thống nhất chịu một phần theo quy định của pháp luật để trả lại cho bà Th nếu bà Th có yêu cầu.

Đối với các loại cây trồng trên đất tranh chấp, chi phí phụng dưỡng và mai táng của ông T, bà U không có tranh chấp.

Đối với căn nhà hiện nay bà U đang ở là của ông Nguyễn Văn Ph được Nhà nước cấp thuộc diện chính sách (ông Ph chỉ được cấp nhà, đất là của cụ Nguyễn Văn T cho), nhà cất khoảng năm 2009. Khi cụ T còn sống thống nhất cho ông Ph phần đất này để cất nhà, do ông Ph không ở nên cho gia đình bà U ở nhờ từ 2015 đến nay. Bà U thống nhất tháo dỡ, di dời phần nhà mà bà U đã cất nối thêm ngang 2,5m và dài 12,5m đi nơi khác để trả nhà và đất cho người nào được hưởng, hiện bà U không còn phần đất nào khác.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Th trình bày:*

Bà Th thống nhất về nguồn gốc đất tranh chấp, hàng thừa kế của cụ T và cụ H theo lời trình bày của ông L, bà U.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp có diện tích 4.749m², thuộc thửa đất số 719, tờ bản đồ số 01, là của cụ T và cụ H chết để lại. Trên phần đất tranh chấp có 04 căn nhà gồm: Căn nhà thờ (phủ thờ), căn nhà của bà L1, căn nhà của bà U căn nhà của bà Th và một cái ao nuôi trồng thủy sản; Khi còn sống cụ T đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ phần diện tích đất này để vay tiền Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh thị xã Hồng Ngự. Cụ T yêu cầu bà Th trả Ngân hàng thay, bà Th đã trả nợ Ngân

hàng vốn, lãi là 36.000.000 đồng, sau khi trả nợ Ngân hàng xong cụ T thống nhất chuyển quyền sử dụng đất cho bà Th đứng tên để quản lý, sử dụng, đồng thời chăm sóc nuôi dưỡng cụ T và thờ cúng sau này khi cụ T chết. Khi tiến hành thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cán bộ địa chính xã đến đo đạc, thì các anh chị em không có ai ra ngăn cản, khiếu nại hay tranh chấp gì.

Cụ T lập di chúc để lại tài sản cho bà Th thì các anh chị em trong gia đình đều thống nhất, chỉ có ông L không có mặt ở nhà. Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Ph đại diện các anh, chị, em và có ông Nguyễn Văn T là đại diện bên họ tộc ký tên vào tờ di chúc. Theo nội dung tờ di chúc, cụ T để lại một căn nhà là nhà cây gỗ tạp (làm phủ thờ), không rõ diện tích bao nhiêu, một miếng vườn là đất trồng cây tạp và một cái hầm (ao) không rõ diện tích bao nhiêu; ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Sau khi cụ T lập di chúc tặng cho tài sản, bà Th là người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản. Thời điểm cụ T để lại tài sản cho bà Th, thì có căn nhà bà L1, nhà của bà Th, nhà bà U và căn nhà của ông Ph. Việc xây cất nhà là do cụ T có nói các con ai có nhu cầu xây cất nhà ở trên đất của cụ T thì cứ xây cất, khi nào cụ T chết đi, ai không còn ở trên đất nữa thì trả lại đất cho bà Th là người được hưởng di sản thừa kế, nên bà L1, bà U và ông Ph có nhu cầu ở trên phần đất đó thì cứ ở, không ở thì phải trả đất lại cho bà Th. Bà Th không đồng ý chuyển quyền sử dụng đất cho ai hết.

Khi chuyển quyền sử dụng đất cho chị Lê Thị Cẩm T3 đứng tên, thì cụ T còn sống và cụ T cũng thống nhất.

Ngày 07/8/2015 (âm lịch) cụ T chết, sau khi cụ T chết thì bà Th là người quản lý toàn bộ tài sản của cụ T và có sửa chữa, xây mới lại như nhà tám, cải tạo ao nuôi cá và các vật dụng khác trong nhà.

Nay bà Th không đồng ý chia thừa kế tài sản theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ngọc L, bà Nguyễn Thị Kim U, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ph và anh Nguyễn Duy Kh, không thống nhất để ông L được quản lý, sử dụng căn nhà phủ thờ, phần đất gắn liền với căn nhà phủ thờ và phần đất nghĩa địa. Không thống nhất hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Thị Cẩm T3.

Đối với số tiền 36.000.000 đồng trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, bà Th không có yêu cầu những người thừa kế hoàn trả lại cho bà Th.

Ngoài ra, các cây trồng, chi phí sửa chữa nhà thờ, chi phí nuôi dưỡng, mai táng cho cụ T, bà Th không tranh chấp.

Bà Th không thống nhất chia thừa kế giá trị sử dụng phần đất ao (Lợi nhuận thu được từ việc sử dụng đất ao) là 200.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị L thống nhất theo lời trình bày của ông L, bà U về nguồn gốc tài sản đang tranh chấp, hàng thừa kế.

Cha, mẹ là cụ Nguyễn Văn T và cụ Phan Thị H có cho bà L1 một phần đất không biết diện tích bao nhiêu, bà L1 cất nhà ở ổn định cách đây khoảng 42 (bốn mươi hai) năm. Khi cho đất không có làm giấy tờ, không có đo đạc diện tích bao nhiêu. Khi còn sống cụ T có lập di chúc để lại tài sản cho bà Nguyễn Thị Bích Thgôm: 01 (một) căn nhà phủ thờ, bao gồm diện tích đất, 01 (một) miếng vườn và 01 (một) cái hầm không rõ diện tích. Lý do là bà Th trực tiếp chăm sóc nuôi cụ T cho đến khi chết. Việc cụ T lập di chúc thì bà L1 và ông Nguyễn Văn Ph thống nhất ký tên vào tờ di chúc, sau khi cụ T chết thì tài sản của cụ T để lại cho bà Th là người thừa kế. Bà U ở gần nhà cũng biết việc này nhưng không có ý kiến gì phản đối.

Bà L1 xác định chữ ký và chữ ghi (viết) họ tên Nguyễn Thị L trong tờ di chúc là của bà L1. Bà L1 thống nhất khi còn sống cụ T có vay tiền Ngân hàng nhưng không rõ số tiền vay bao nhiêu và vay năm nào.

Nay bà Nguyễn Thị L yêu cầu được thừa kế quyền sử dụng diện tích đất 352m² (ngang 16m và dài 22m). Trong trường hợp bà L1 được hưởng thừa kế nhiều hơn diện tích 352m² thì bà L1 thống nhất nhường lại cho ông Nguyễn Văn Ngọc L được thừa hưởng. Trường hợp Tòa án không chấp nhận thì bà L1 tự nguyện thống nhất tháo dỡ, di dời căn nhà đi nơi khác để trả đất cho bà Th, không có yêu cầu gì đối với bà Th.

Bà L1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Lê Thị Cẩm T3.

Bà L1 thống nhất số tiền bà Th chi ra trả nợ cho Ngân hàng cả vốn lẫn lãi là 36.000.000 đồng và thống nhất chịu một phần theo quy định của pháp luật để trả lại cho bà Th, nếu bà Th có yêu cầu.

Bà L1 không yêu cầu chia thừa kế căn nhà phủ thờ, kể cả giá trị của căn nhà phủ thờ.

Bà L1 không có yêu cầu gì về giá trị khai thác đất ao của bà Th.

Đối với các cây trồng, chi phí sửa chữa nhà thờ, chi phí nuôi dưỡng, mai táng cho cụ T, bà L1 không tranh chấp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ph trình bày:*

Ông Nguyễn Văn Ph thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Kim U về nguồn gốc đất, hàng thừa kế của cụ T và cụ H.

Vào khoảng năm 2009, cụ T có cho ông Ph phần đất, nên nhà nước có xây dựng cho ông Ph 01 căn nhà tình nghĩa. Năm 2013 ông và gia đình đi làm ăn xa, nên để lại căn nhà cho bà Nguyễn Thị Kim U ở nhờ đến nay. Ngoài ra, khi cụ T còn sống có cho đất các anh chị em khác mỗi người một cái nền nhà (thời gian cách đây khoảng hai mươi năm) tính theo thứ tự là nhà bà Ừng, nhà ông Ph, nhà phủ thờ (cụ T), nhà bà L1 và nhà của bà Th(riêng bà Th thì mới về cất nhà ở cách đây khoảng năm năm). Khi cho đất không có đo đạc, không có làm giấy tờ gì, không nói diện tích bao nhiêu, tuy nhiên có xác định ranh là các trụ đá. Phần ông Nguyễn Văn Cảo, bà Nguyễn Thị Bích V và bà Nguyễn Thị Bích D đã có nhà riêng, nên cụ T không cho đất nền nhà, còn ông Nguyễn Văn Ngọc L (tự là L) đi làm ăn xa rồi ở bên vợ, nhưng là con trai út trong nhà, nên sau khi cụ T chết cho ông L toàn bộ tài sản còn lại, bao gồm cả căn nhà làm phủ thờ.

Ngày 01/9/2014, cụ T lập di chúc để lại tài sản cho bà Th gồm một căn nhà, một mảnh vườn và một cái ao sau này bà Th làm phủ thờ và canh tác, nhưng không có quyền bán đi mà cũng không có đứa con nào được tranh giành. Ông Ph xác định nội dung tờ di chúc là do ông Ph viết cùng với bà Th đưa cho cụ T ký, ông Ph thừa nhận chữ ký tên và chữ viết họ tên Nguyễn Văn Ph là của ông Ph. Khi bà Th làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên cho bà Th thì ông Ph và bà L1 có biết nhưng cũng không có kiến ý. Ông Ph cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đã viết tờ di chúc ngày 01/9/2014 để ông T để lại tài sản cho bà Th.

Ông Ph thống nhất số tiền bà Th chi ra trả nợ cho Ngân hàng tổng cộng là 36.000.000 đồng và thống nhất chịu một phần theo quy định của pháp luật để trả lại cho bà Th nếu bà Th có yêu cầu.

Nay ông Nguyễn Văn Ph yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích Th chia thừa kế tài sản theo quy định pháp luật.

Ông Ph không yêu cầu chia thừa kế căn nhà phủ thờ, kể cả giá trị của căn nhà phủ thờ và thống nhất giao cho ông L được quản lý, sử dụng căn nhà phủ thờ, kể cả phần đất gắn liền với căn nhà phủ thờ và phần đất nghĩa địa.

Đối với các cây trồng, chi phí sửa chữa nhà thờ, chi phí nuôi dưỡng, mai táng cho cụ T, ông Ph không tranh chấp.

Đối với căn nhà mà ông Nguyễn Văn Ph cho bà Nguyễn Thị Kim U ở nhờ diện tích ngang 4m và dài 12,5m, ông Ph thống nhất để bà U được tiếp tục ở trong căn nhà này, ông Ph không có yêu cầu gì, không có tranh chấp gì với bà U.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích D trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bích D thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn Ngọc L, bà Nguyễn Thị Kim U và bà Nguyễn Thị Kim Th về nguồn gốc đất, hàng thừa kế của cụ T và cụ H.

Bà Nguyễn Thị Bích D thống nhất nhường quyền hưởng thừa kế cho bà Nguyễn Thị Bích Thdo bà Ththờ cúng cha mẹ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích V trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bích V thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Kim U về nguồn gốc đất, hàng thừa kế của cụ T và cụ H.

Tài sản là do cha, mẹ để lại di chúc cho bà Nguyễn Thị Bích Th tạm quản lý di sản không được bán, tặng cho mà để làm phủ thờ, nhưng bà Th đã chuyển nhượng phần đất lại cho con tên là Lê Thị Cẩm T3 là không đúng theo di chúc.

Bà V xin từ chối không nhận di sản thừa kế của cha mẹ để lại và không khiếu nại gì về phần di sản thừa kế, xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Cẩm T3 trình bày:

Chị Lê Thị Cẩm T3 thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn Ngọc L, bà Nguyễn Thị Kim U và bà Nguyễn Thị Kim Th về nguồn gốc đất, hàng thừa kế của cụ T và cụ H.

Quyền sử dụng đất đứng tên Lê Thị Cẩm T3 hiện nay theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01211, diện tích 3.932m², thuộc thửa đất số 428, tờ bản đồ số 02, tại xã Tân Hội, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc là của ông ngoại chị là cụ Nguyễn Văn T (Nguyễn Văn R) tặng cho mẹ chị là bà Nguyễn Thị Bích Th vào ngày 19/5/2015, bà Th tặng lại cho chị Tú từ ngày 10/8/2015.

Nay chị T không thống nhất hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Thị Cẩm T3.

Riêng phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay, gia đình đã trả nợ cho Ngân hàng và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong, nên không có liên quan đến Ngân hàng nữa.

Chị Lê Thị Cẩm T3 không có yêu cầu gì về phần giá trị của các loại cây trồng trên đất tranh chấp. Chị T không yêu cầu bổ sung gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Diễm T và chị Nguyễn Thị Điều H vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và nộp bản khai trình bày:

Ông H, chị Thúy, chị H1 thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích L2 trình bày: Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn K, cháu Huỳnh Thị Kim H, cháu Huỳnh Duy A, ông Huỳnh Văn T4, bà Hồ Thị D vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và nộp bản khai trình bày:

Anh K, cháu H4, cháu A, ông T4, bà D thống nhất theo lời trình bày của chị Lê Thị Cẩm T3.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thái H2, chị Lê Thị Cẩm N1 đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và nộp bản khai trình bày:

Ông Lê Thái H2, chị Lê Thị Cẩm T1, chị Lê Thị Cẩm T1 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích Th.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Cẩm T1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích Th.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, anh Nguyễn Long Tr, chị Nguyễn Thị Thu S đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và nộp bản khai trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, anh Nguyễn Long Tr, chị Nguyễn Thị Thu S thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ph.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L3 vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và có yêu cầu độc lập nội dung như sau:

Bà Lê Thị L3 thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Kim U về nguồn gốc đất, hàng thừa kế của cụ T và cụ H.

Bà L1 có nói cho bà biết là cụ T hứa cho bà Thtoàn bộ phần diện tích đất đang tranh chấp, nếu bà Th trả tiền nợ Ngân hàng. Năm 2015, cụ T giao cho bà Thtạm quản lý phần đất của cụ T. Đến ngày 13/7/2015, bà Thđổi lại giấy mới, đến ngày 18/8/2015 thì bà Thchuyển quyền sử dụng toàn bộ phần đất trên cho chị Lê Thị Cẩm T3 đứng tên.

Trước đây, bà L3 có yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích Thchia thừa kế quyền sử dụng đất cho bà với diện tích 752,3m² tại ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Bích Thvới chị Lê Thị Cẩm T3.

Nay bà L3 không có yêu cầu, không có tranh chấp thừa kế gì với các đương sự khác trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy Kh trình bày:

Anh Nguyễn Duy Kh thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Kim U về nguồn gốc đất, hàng thừa kế của cụ T và cụ H.

Nay anh Kh yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản theo quy định pháp luật. Anh Kh xác định nếu anh Kh được hưởng thừa kế thì phần anh Kh được hưởng là phần hưởng chung của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Nguyễn Văn Cảo.

Đối với nền mộ của ông Nguyễn Văn Cảo, nếu sau khi chia thừa kế tài sản mà nền mộ nằm trên phần đất của ai được hưởng và có yêu cầu di dời thì anh Kh tự nguyện thống nhất di dời, nếu không ai có yêu cầu di dời thì anh Kh giữ nguyên.

Anh Kh thống nhất số tiền bà Thchi ra trả nợ cho ngân hàng cả vốn lẫn lãi là 36.000.000 đồng và thống nhất chịu một phần theo quy định của pháp luật để trả lại cho bà Thnếu bà Thcó yêu cầu.

Anh Kh không yêu cầu chia thừa kế căn nhà phủ thờ, kể cả giá trị của căn nhà phủ thờ và thống nhất giao cho ông Lđược quản lý, sử dụng căn nhà phủ thờ, kể cả phần đất gắn liền với căn nhà phủ thờ và phần đất nghĩa địa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Kim U.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ph, anh Nguyễn Duy Kh.

Buộc hộ bà Nguyễn Thị Bích Th (gồm bà Nguyễn Thị Bích Th, ông Lê Thái H2, chị Lê Thị Cẩm T1, chị Lê Thị Cẩm T1, chị Lê Thị Cẩm T3) có trách nhiệm chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 6.123m² thuộc thửa 428, thửa 417, một phần thửa 394, cùng tờ bản đồ 02, đất tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, thị xã Hồng Ngự, Đồng (Trong đó, thửa 394 do ông Nguyễn Văn T4 đứng tên, thửa 428 do chị Lê Thị Cẩm T3 đứng tên và thửa 417 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho bà Nguyễn Thị Kim U, anh Nguyễn Duy Kh, ông Nguyễn Văn Ph, ông Nguyễn Văn Ngọc L, bà Nguyễn Thị L mỗi người được hưởng một phần tài sản như sau:

* Bà Nguyễn Thị Kim U được chia diện tích đất 78,2m² (Trong đó có một phần căn nhà của bà U diện tích 27,9m²), xác định tại vị trí A trong Mảnh trích đo địa chính số 18-2019 ngày 26/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hồng Ngự, tứ cận như sau:

- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 15 qua mốc 16 là 5m;
- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 13 qua mốc 14 là 5m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 16 qua mốc 13 là 15,76m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 15 đến mốc 14 là 15,52m.

Buộc hộ bà Nguyễn Thị Bích Th (gồm bà Nguyễn Thị Bích Th, ông Lê Thái H2, chị Lê Thị Cẩm T1, chị Lê Thị Cẩm T1, chị Lê Thị Cẩm T3) có trách nhiệm trả giá trị đất (Cây lâu năm) lại cho bà Nguyễn Thị Kim U là 1.305.000đ (Một triệu ba trăm lẻ năm ngàn đồng).

* Anh Nguyễn Văn Kh được chia diện tích đất 79,3m², xác định tại vị trí B trong Mảnh trích đo địa chính số 18-2019 ngày 26/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hồng Ngự, tứ cận như sau:

- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 16 qua mốc 17 là 5m;
- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 12 qua mốc 13 là 5m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 16 qua mốc 13 là 15,76m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 17 đến mốc 12 là 16m.

Buộc hộ bà Nguyễn Thị Bích Th (gồm bà Nguyễn Thị Bích Th, ông Lê Thái H2, chị Lê Thị Cẩm T1, chị Lê Thị Cẩm T1, chị Lê Thị Cẩm T3) có trách nhiệm trả giá trị đất (Cây lâu năm) lại cho anh Nguyễn Duy Kh là 1.206.000đ (Một triệu hai trăm lẻ sáu ngàn đồng).

Trên đất có một phần căn nhà của bà Nguyễn Thị Kim U diện tích 8,1m². Buộc hộ bà Nguyễn Thị Kim U (gồm bà Nguyễn Thị Kim U, ông Lê Văn B, anh Lê Oai Ph1, chị Lê Thị Thúy D1, chị Lê Thị Thúy A1 và anh Lê Oai C) phải di dời một phần căn nhà diện tích 8,1m², tài sản, cây trồng ra khỏi diện tích nói trên để giao đất cho anh Nguyễn Duy Kh theo quy định của pháp luật.

* Ông Nguyễn Văn Ph được chia diện tích đất 109m² (Trong đó có một căn nhà của ông Ph được Nhà nước cấp diện tích 52,6m² và một phần căn nhà của bà Ucát nối thêm giáp với nhà ông Ph diện tích 31,8m²), xác định tại vị trí C trong Mảnh trích đo địa chính số 18-2019 ngày 26/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hồng Ngự, tứ cận như sau:

- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 17 qua mốc 18 là 6,26m;
- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 11 qua mốc 12 là 7,17m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 18 qua mốc 11 là 16,49m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 17 đến mốc 12 là 16m.

Buộc hộ ông Nguyễn Văn Ph (gồm ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, anh Nguyễn Long Tr, chị Nguyễn Thị Thu S) có trách nhiệm trả giá trị đất (Cây lâu năm) lại cho bà Nguyễn Thị Bích Th là 1.467.000đ (Một triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

* Ông Nguyễn Văn Ngọc L được chia diện tích đất 232,2m² (Trong đó có một căn nhà gồm nhà chính và nhà phụ của ông Tùng để lại – hiện nay ông L đang ở tổng diện tích 104,2m²), xác định tại vị trí D trong Mảnh trích đo địa chính số 18-2019 ngày 26/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hồng Ngự, tứ cận như sau:

- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 18 qua mốc 19 là 13,65m;
- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 11 qua mốc 10 là 13,67m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 18 qua mốc 11 là 16,49m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 19 đến mốc 10 là 17,74m.

Buộc ông Nguyễn Văn Ngọc L có trách nhiệm trả giá trị đất (Cây lâu năm) lại cho bà Nguyễn Thị Bích Th là 12.555.000đ (Mười hai triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

* Bà Nguyễn Thị L được chia diện tích đất 92,7m², xác định tại vị trí E trong Mảnh trích đo địa chính số 18-2019 ngày 26/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hồng Ngự, tứ cận như sau:

- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 19 qua mốc 20 là 5,13m;
- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 10 qua mốc 9 là 5,14m;

- + Chiều dài một cạnh từ mốc 20 qua mốc 9 là 18,44m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 19 đến mốc 10 là 17,74m.

* Hộ bà Nguyễn Thị Bích Th (gồm bà Nguyễn Thị Bích Th, ông Lê Thái H2, chị Lê Thị Cẩm T1, chị Lê Thị Cẩm T1, chị Lê Thị Cẩm T3) được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích còn lại gồm:

1/- Diện tích đất 92,7m², xác định tại vị trí F trong Mảnh trích đo địa chính số 18-2019 ngày 26/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hồng Ngự, tứ cận như sau:

- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 20 qua mốc 21 là 4,95m;
- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 9 qua mốc 8 là 4,95m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 20 qua mốc 9 là 18,44m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 21 đến mốc 8 là 19,11m.

Trên đất có một phần căn nhà của bà L1 diện tích 35,2m²

2/- Diện tích đất 92,7m², xác định tại vị trí G trong Mảnh trích đo địa chính số 18-2019 ngày 26/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hồng Ngự, tứ cận như sau:

- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 21 qua mốc 22 là 4,78m;
- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 8 qua mốc 7 là 4,78m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 22 qua mốc 7 là 19,75m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 21 đến mốc 8 là 19,11m.

Trên đất có một phần căn nhà của bà L1 diện tích 67,6m²

3/- Diện tích đất 891,4m² (Trong đó có căn nhà của bà Th diện tích 63,6m²), xác định tại vị trí M trong Mảnh trích đo địa chính số 18-2019 ngày 26/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hồng Ngự, tứ cận như sau:

- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 22 qua mốc 23 là 42,23m;
- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 8 qua mốc 6 là 33,44m và từ mốc 6 qua mốc 5 là 3,1m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 22 qua mốc 7 là 19,75m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 5 đến mốc 23 là 24,56m.

Trên đất có một phần căn nhà của bà L1 diện tích 13,7m².

Buộc hộ bà Nguyễn Thị L (gồm bà Nguyễn Thị Thị Lệ, ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Diễm T, chị Nguyễn Thị Bích L2 và chị Nguyễn Thị Điều H) phải di dời toàn bộ nhà, tài sản, cây trồng ra khỏi diện tích căn nhà của bà

Nguyễn Thị L là 116,5m² (làm tròn 117m²) để giao đất cho bà Nguyễn Thị Bích Th.

4/- Toàn bộ diện tích đất ao 4.455m² (gồm vị trí I và vị trí N theo mảnh trích đo số 18-2019, ngày 26/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hồng Ngự), cụ thể như sau:

- Diện tích 3.932m², vị trí I, có tứ cận như sau:

- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 1 qua mốc 2 là 75,94m;

- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 3 qua mốc 4 là 83,02m;

- + Chiều dài một cạnh từ mốc 2 qua mốc 3 là 44,58m;

- + Chiều dài một cạnh từ mốc 4 đến mốc 1 là 55,18m.

- Diện tích 522.8m² (Trong đó, có phần nền mộ của ông Nguyễn Văn Cảo diện tích 3,2m²), vị trí N, có tứ cận như sau:

- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 14 qua mốc 6 là 80,15m và từ mốc 6 qua mốc 5 là 3,1m;

- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 3 qua mốc 4 là 83,02m;

- + Chiều dài một cạnh từ mốc 3 qua mốc 14 là 9,5m;

- + Chiều dài một cạnh từ mốc 4 đến mốc 5 là 2,58m.

Giữ y hiện trạng phần nền mộ của ông Nguyễn Văn Cảo diện tích 3,2m² trên phần đất bờ ao của bà Nguyễn Thị Bích Th.

Trong đó:

Mốc 1: Đo gờ về góc nhà (phía sau) của bà Nguyễn Thị Bích Th một cạnh 60,27m (thửa 428) và đo gờ về góc mã đá giáp đất bà Dương Thị Nhôm một cạnh là 72,98m;

Mốc 2: Đo gờ về trụ đá ranh (phía sau) giáp đất ông Nguyễn Văn T4 cạnh là 42,32m (thửa 394) và đo gờ về mốc 1 một cạnh 75,94m (thửa 428).

Mốc 3: Đo gờ về trụ đá ranh (phía trước) giáp đất ông Nguyễn Văn T4 cạnh 24,74m (thửa 394) và đo gờ về trụ đá ranh (phía sau) giáp đất ông Nguyễn Văn T4 một cạnh 20,67m (thửa 394);

Mốc 15: Đo gờ về trụ đá ranh (phía trước) giáp đất ông Nguyễn Văn T4 cạnh 21,57m (thửa 394) và đo gờ về trụ đá ranh (phía sau) giáp đất ông Nguyễn Văn T4 một cạnh 37,46m (thửa 394);

Mốc 23: Đo gờ về góc mã đá giáp đất bà Dương Thị Nhôm một cạnh là 26,27m và đo gờ về góc nhà (phía trước) của bà Nguyễn Thị Bích Th một cạnh là 15,94m (thửa 417);

Mốc 4: Đo gờ về góc mã đá (phía trước) giáp đất bà Dương Thị Nhôm một cạnh là 31,72m và đo gờ về góc mã đá (phía sau) giáp đất bà Dương Thị Nhôm một cạnh là 29,34m;

Các mốc còn lại được giao hội theo các mốc 1-2-3-15-23-4 trên sơ đồ.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/7/2018; Mảnh trích đo địa chính số 121–2018 ngày 28/8/2018 và Bổ sung trích đo số 18-2019 ngày 26/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hồng Ngự).

Buộc hộ bà Nguyễn Thị Bích Th(gồm bà Nguyễn Thị Bích Th, ông Lê Thái H2, chị Lê Thị Cẩm T1, chị Lê Thị Cẩm T1, chị Lê Thị Cẩm T3) có trách nhiệm trả giá trị đất ao (diện tích 247,5m²) cho ông Nguyễn Văn Ngọc L, bà Nguyễn Thị Kim U, ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn Khanh (con ông Nguyễn Văn Cảo) mỗi người là 22.275.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ngọc L, bà Nguyễn Thị Kim U về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích Th chia thừa kế giá trị khai thác đất ao (lợi nhuận từ việc sử dụng ao) là 200.000.000đồng chia đều thành 08 (tám) phần bằng nhau cho ông L và bà U mỗi người được hưởng một phần theo quy định pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ngọc L, bà Nguyễn Thị Kim U về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Lê Thị Cẩm T3.

5. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L3 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích Th chia thừa kế diện tích đất 6.123m².

6. Hộ ông Nguyễn Văn Ngọc L, hộ bà Nguyễn Thị Kim U, hộ bà Nguyễn Thị L, hộ ông Nguyễn Văn Ph, hộ anh Nguyễn Duy Kh, hộ bà Nguyễn Thị Bích Th, hộ chị Lê Thị Cẩm T3, hộ ông Nguyễn Văn T4 được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

7. Hộ bà Nguyễn Thị Bích Th(gồm bà Nguyễn Thị Bích Th, ông Lê Thái H2, chị Lê Thị Cẩm T1, chị Lê Thị Cẩm T1) và ông Nguyễn Văn Ngọc L được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cắt nhân khẩu ông Nguyễn Văn Ngọc L ra khỏi hộ khẩu của bà Nguyễn Thị Bích Th(do ông Lê Thái H2 làm chủ hộ) theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm con tuyên án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 09 tháng 12 năm 2019, bà L1 kháng cáo yêu cầu được nhận phần đất ngang 16m, dài 22m.

- Ngày 10 tháng 12 năm 2019, bà Ứng, ông Lợi, ông Ph kháng cáo toàn bộ Bản án sơ dân sự thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết theo hướng bác toàn bộ yêu cầu nguyên đơn.

Tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ T tặng cho bà Th, bà Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Th tặng cho lại con là chị Lê Thị Cẩm T3 và chị Tú được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ T với bà Th và giữa bà Th với chị Tú thực hiện đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L1, bà Ứng, ông Lợi, ông Ph, giữ nguyên án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ứng, ông Lợi, bà L1, ông Ph, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cụ Nguyễn Văn Tùng (Nguyễn Văn Rô) và cụ Phan Thị Hà chung sống với nhau có 08 người con gồm: Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Cảo (chết), Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Kim U, Nguyễn Thị Bích Th, Nguyễn Thị Bích D, Nguyễn Thị Bích V và Nguyễn Văn Ngọc L.

Cụ H (chết năm 2002) và cụ T (chết năm 2015), là cha, mẹ của nguyên bị đơn, có tạo lập được 6.123m² đất. Năm 1995, cụ T kê khai đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 719, diện tích 4.749m², đất cây lâu

năm. Năm 2002, cụ H chết không để lại di chúc. Ngày 01/9/2014 cụ T lập di chúc để lại nhà, đất vườn, ao cho bà Nguyễn Thị Bích Th, Ngày 19/5/2015 cụ T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Thtoàn bộ thửa 719, diện tích 4.749m^2 , sau đó bà Th xin cấp đổi thửa 719 thành thửa 428, diện tích 3.932m^2 , Ngày 10/8/2015, bà Th tặng cho con là chị Lê Thị Cẩm T3 và chị Tú được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất còn lại thuộc thửa 417 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 phần thửa 394 do ông T4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Lkhởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

[2] Về di sản của cụ H và cụ T để lại diện tích đất đo đạc thực tế là 6.123m^2 . Theo di chúc ngày 01/9/2014, cụ T chết để lại toàn bộ, đất vườn, ao cho bà Th là không phù hợp với quy định của pháp luật, bởi vì diện tích đất 6.123m^2 là tài sản chung của cụ H và cụ T, nên cụ T chỉ được quyền tặng cho 50% diện tích $3.061,5\text{m}^2$, còn lại 50% diện tích $3.061,5\text{m}^2$ là di sản của cụ H.

Xét kháng cáo của ông Lợi, bà Ứng, ông Ph yêu cầu chia toàn bộ diện tích đất 6.123m^2 của cụ H và cụ T theo pháp luật, thành 08 kỷ phần bằng nhau, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần. Xét thấy, cụ T và cụ H mỗi người được hưởng 50% phần di sản chung và cụ T được hưởng thừa kế $1/8$ phần di sản của cụ H. Khi còn sống cụ T đã định đoạt tặng cho bà Th phần di sản của mình là phù hợp với quy định của pháp luật, nên việc ông Lợi, bà Ứng, ông Ph yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ di sản 6.123m^2 không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Do cụ H chết không để lại di chúc, nên phần di sản của cụ H được chia thừa kế theo pháp luật cho 8 người con và cụ T mỗi người được hưởng 01 kỷ phần bằng nhau. Về phía bà Nguyễn Thị Bích V, khước từ hưởng di sản thừa kế, bà Nguyễn Thị Bích D nhường quyền thừa kế cho bà Th, nên phần di sản của cụ H được chia thành 08 kỷ phần bằng nhau bà Ứng, ông Ph, ông Lợi, bà L1 và anh Kh là người thừa kế của ông Cảo mỗi người được hưởng 01 kỷ phần, bà Th được hưởng 03 kỷ phần (gồm bà Th, cụ T và bà D).

[5] Theo đó, phần di sản cụ T và cụ H mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ là $3.061,5\text{m}^2$: Diện tích : $6.123\text{m}^2 : 2 = 3.061,5\text{m}^2$.

Trong đó:

- + Đất cây lâu năm (ao): 1.966m^2 ;
- + Đất chưa được cấp giấy : $1.095,5\text{m}^2$.

* Phần di sản của cụ H chia cho 08 kỷ phần cho cụ T và 07 người con mỗi người được hưởng 01 kỷ phần (do bà V khước từ).

Diện tích: 3.061,5m² :

Trong đó:

- Đất cây lâu năm (ao): $1.966\text{m}^2 : 8 = 245,75\text{m}^2$.

- Đất chưa được cấp giấy: $1.095,5\text{m}^2 : 8 = 136,93\text{m}^2$.

* Phần các nguyên đơn ông Lợi, bà Ứng, bà L1, ông Ph, anh Kh mỗi người được hưởng:

- Đất cây lâu năm (ao): $245,75\text{m}^2$.

- Đất chưa được cấp giấy: $136,93\text{m}^2$.

* Phần bà Th được hưởng:

- Đất cây lâu năm (ao): $1.966\text{m}^2 + 245,75\text{m}^2 + 245,75\text{m}^2 + 245,75\text{m}^2 = 2.703,25\text{m}^2$.

- Đất chưa được cấp giấy: $1.095,5\text{m}^2 + 136,93\text{m}^2 + 136,93\text{m}^2 + 136,93\text{m}^2 = 1.506,29\text{m}^2$.

Ông Lợi, bà Ứng, bà L1, ông Ph yêu cầu được chia bằng hiện vật. Xét thấy, phần đất ao, khi cụ T còn sống, cụ T tặng cho quyền sử dụng phần đất ao cho bà Th và bà Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bà Th tặng cho lại con là chị Lê Thị Cẩm T3 và chị Tú đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, phần đất cây lâu năm thực tế toàn bộ là đất ao (mương nước) chị Tú con bà Th đang nuôi cá, nên việc chia hiện vật phần đất ao không thể thực hiện được, để đảm bảo sự ổn định, Hội đồng xét xử thống nhất giao phần đất ao cho bà Th sử dụng, bà Th chịu trách nhiệm trả giá trị tài sản thừa kế cho ông Lợi, ông Ph, bà Ứng, bà L1 và anh Kh là phù hợp.

Theo biên bản định giá ngày 24/9/2020, có giá 90.000đ/m².

Nên bà Th trả giá trị tài sản phần đất ao (đất lâu năm) cho ông Lợi, ông Ph, bà Ứng, bà L1 và anh Kh mỗi người:

Đất cây lâu năm (ao): $245,75\text{m}^2 \times 90.000\text{đ/m}^2 = 22.117.500\text{đồng}$.

Đối với phần đất còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo sơ đồ đo đạc ngày 09/6/2022 thì hiện bà U đang quản lý diện tích 173,5m², ông Ph đang quản lý diện tích 116,1m², ông L đang quản lý diện tích 246,6m², nên tiếp tục giao cho bà Ứng, ông Ph và ông L được hưởng thừa kế. Phần bà Ứng, ông Ph, ông L được hưởng nhiều hoặc ít hơn kỹ phần thừa kế sẽ được đền bù chênh lệch cho các đồng thừa kế.

Đối với bà L1 cho rằng, khi cụ T còn sống có cho bà L1 chiều ngang 16m, dài 22m, nhưng bà L1 không có chứng cứ chứng minh, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Về phía bà L1 có xây dựng 01 căn nhà (hiện nay đã tháo dỡ)

trên phần đất của cụ T, theo sơ đồ đo đạc ngày 09/6/2022 thì phần đất bà L1 xây dựng nhà có diện tích 254,3m², nên cần tiếp tục giao cho bà L1 được hưởng thừa kế, bà L1 trả chênh lệch cho các đồng thừa kế.

Về phía anh Kh không có quản lý sử dụng phần đất nào của cụ T, cụ H. Án sơ thẩm xử anh Kh được hưởng thừa kế diện tích 79,3m², anh Kh không có kháng cáo. Do xem xét kháng cáo chia thừa kế cho bà Ứng, ông Ph, ông Lợi, bà L1, nên cùng cần phải xem xét đến kỹ phần thừa kế của anh Kh mới đảm bảo quyền lợi cho anh Kh. Theo sơ đồ đo đạc ngày 09/6/2022, từ phần đất ông L đến phần đất bà L1 được hưởng thừa kế, còn phần đất có diện tích 119,7m², nên giao cho anh Kh được hưởng thừa kế 119,7m² cũng ít hơn 01 kỷ phần mà anh Kh được hưởng.

Theo đó:

- Bà U được nhận thừa kế: 173,5m² - 136,93m²(kỷ phần thừa kế)= thừa 36,57m².

- Ông Ph được nhận thừa kế: 116,1m² - 136,93m²(kỷ phần thừa kế)= thiếu 20,83m².

- Ông L được nhận thừa kế: 246,6m² - 136,93m²(kỷ phần thừa kế)= thừa 109,67m².

- Anh Kh được nhận thừa kế: 119,7m² - 136,93m²(kỷ phần thừa kế)= thiếu 17,23m².(thiếu).

- Bà L1 được nhận thừa kế: 254,3m² - 136,93m²(kỷ phần thừa kế)= thừa 117,37m².

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất phần đất thừa 417 giá 250.000 đ/m².

- Bà U hưởng thừa kế thừa: 36,57m² x 250.000đ= 9.142.500đ.

- Ông Ph hưởng thừa kế thiếu: 20,83m² x 250.000đ= 5.207.500đ.

- Ông L hưởng thừa kế thừa: 109,67m² x 250.000đ= 27.417.500đ.

- Anh Kh hưởng thừa kế thiếu: 17,23m² x 250.000đ= 4.307.500đ.

- Bà L1 hưởng thừa kế thừa: 117,37m² x 250.000đ= 29.342.500 đ.

* Sau khi cân trừ thì bà Th trả tiền chênh lệch cho:

- Bà Ứng: 22.117.500đ - 9.142.500 đ= 12.975.000đ.

- Ông Ph: 22.117.500đ + 5.207.500 đ= 27.325.000đ.

- Anh Kh: 22.117.500đ + 4.307.500 đ= 26.425.000 đ.

- Ông L và bà L1 trả tiền chênh lệch cho bà Th:

+ Ông Lợi: 27.417.500đ - 22.117.500 đồng= 5.300.000 đ.

+ Bà L1: 29.342.500đ - 22.117.500 đ = 7.252.000 đồng.

Như vậy:

- Bà U được nhận thừa kế: 173,5m² và số tiền 12.975.000đ.

- Ông Ph được nhận thừa kế: 116,1m² và số tiền 27.325.000đ.

- Anh Kh được nhận thừa kế: 119,7m² và số tiền 26.425.000đ.

- Ông L được nhận thừa kế: 246,6m², ông L trả chênh lệch thừa kế cho bà Th số tiền 5.300.000đ.

- Bà L1 được nhận thừa kế: 254,3m², bà L1 trả chênh lệch thừa kế cho bà Th 7.252.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L trình bày: Khi cụ T còn sống có cho bà D phần đất không rõ diện tích, bà D đã được chia xong, đề nghị Hội đồng xét xử không chia cho bà D. Xét thấy, trong quá trình gia đình vụ án các đương sự không có trình bày cụ T còn có phần đất khác hiện bà D đang quản lý, sử dụng, nên trong trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Phần đất ông Ph được hưởng thừa kế 116,1m², ông Ph có cất 01 căn nhà, hiện ông Ph cho bà U ở nhờ và bà U có cất thêm cặp nhà của ông Ph, phần bà U cất thêm cho bà U cất nhà trong phạm vi các mốc 13-13'-17'-18-13, ông Ph và bà U tự thỏa thuận với nhau không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận hay không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà của bà U, ông Ph, ông Lợi, bà L1, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do chấp nhận kháng cáo, nên bà U, ông Ph, ông Lợi, bà L1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 649, 651, 652 Bộ luật dân sự; khoản 2, Điều 148; khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim U, ông Nguyễn Văn Ph, ông Nguyễn Văn Ngọc L và bà Nguyễn Thị L.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, (nay là thành phố Hồng Ngự), tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Kim U.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ph, anh Nguyễn Duy Kh.

2.1 Bà Nguyễn Thị Kim U được hưởng thừa kế diện tích đất 173,5 m², được xác định từ các mốc 13'-14-15-16-17-17'-13';

2.2 Ông Nguyễn Văn Ph được hưởng thừa kế diện tích đất 116,1m² được xác định từ các mốc 12-13-13'-17'-18-19-12.

2,3 Ông Nguyễn Văn Ngọc L được hưởng thừa kế diện tích đất 246,6m² được xác định từ các mốc 11-12-19-20-11.

2.4 Anh Nguyễn Văn Khanh được hưởng thừa kế diện tích đất 119,7m² được xác định trong phạm vi từ các mốc 10-11-20-21-10.

2.5 Bà Nguyễn Thị L được hưởng thừa kế diện tích 254,3m², được xác định trong phạm vi các mốc 9-10-21-22-9.

2.6 Bà Nguyễn Thị Bích Th được hưởng thừa kế thừa 428 diện tích 3.932m², được xác định trong phạm vi các mốc 1-2-3-4-5-6-1. Diện tích 462,9m² được xác định trong phạm vi các mốc 4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-4 và diện tích 817,9m² được xác định từ các mốc 7-8-9-22-23-7 thuộc một phần thửa 417, 394.

Buộc bà Th có trách nhiệm trả tiền chênh lệch cho bà U số tiền 12.975.000 đồng, Ông Ph số tiền 27.325.000 đồng và Anh Kh số tiền 26.425.000 đồng.

Buộc ông L trả tiền chênh lệch cho bà Th số tiền 5.300.000 đồng.

Buộc bà L1 trả tiền chênh lệch cho bà Th số tiền 7.252.000 đồng.

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự thu hồi một phần thửa 394 của ông T4 để cấp lại cho bà Th, bà Ụng, ông Ph.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/7/2018, biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/6/2022, biên bản định giá ngày 06/9/2018; biên bản định giá ngày 24/9/2020; sơ đồ đo đạc ngày 09/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hồng Ngự).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ngọc L, bà Nguyễn Thị Kim U về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích Th chia thừa kế giá trị khai thác đất ao (lợi nhuận từ việc sử dụng ao) là 200.000.000 đồng chia đều thành 08 (tám) phần bằng nhau cho ông L và bà U mỗi người được hưởng một phần theo quy định pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ngọc L, bà Nguyễn Thị Kim U về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Lê Thị Cẩm T3.

5. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L3 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích Th chia thừa kế diện tích đất 6.123m².

6. Hộ ông Nguyễn Văn Ngọc L, hộ bà Nguyễn Thị Kim U, hộ bà Nguyễn Thị L, hộ ông Nguyễn Văn Ph, hộ anh Nguyễn Duy Kh, hộ bà Nguyễn Thị Bích Th, hộ chị Lê Thị Cẩm T3, hộ ông Nguyễn Văn T4 được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

9/ Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.760.000đ (Một triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai số 05299 ngày 05/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự.

+ Ông Nguyễn Văn Ngọc L phải chịu 2.818.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp (1.045.000đ + 1.369.000đ + 625.000đ = 3.039.000đ) theo các biên lai số 05075 ngày

15/6/2018, số 05290 ngày 26/10/2018 và số 07344 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự. Vậy ông Nguyễn Văn Ngọc L còn phải chịu 221.000 đồng.

+ Hộ bà Nguyễn Thị Kim U phải chịu 2.818.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp (1.045.000đ + 1.369.000đ + 625.000đ = 3.039.000đ) theo các biên lai số 05074 ngày 15/6/2018, số 05289 ngày 26/10/2018 và số 07343 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự. Bà Nguyễn Thị Kim U được nhận lại 221.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Anh Nguyễn Duy Kh phải chịu 2.818.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.692.000đ theo biên lai số 02922 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự. Anh Nguyễn Duy Kh còn phải nộp 1.126.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Lê Thị L3 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.692.000đ (Một triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn đồng) theo biên lai số 02708 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự.

+ Bà Nguyễn Thị Bích Th phải chịu 30.993.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lợi, bà U không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lợi, bà U mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0004525 ngày 11/12/2019 và biên lai thu số 0004526 ngày 11/12/2019 (do Nguyễn Thị Diễm T nộp thay), tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

- Về chi phí tố tụng:

Tổng cộng chi phí tố tụng 10.235.000 đồng. Bà Th phải chịu 7.035.000 đồng. Bà Ưng, ông Lợi, ông Ph, bà L1, anh Kh mỗi người phải chịu 640.000 đồng. Ông L và bà U nộp tạm ứng 5.235.000 đồng, bà Th nộp tạm ứng 5.000.000 đồng và đã chi xong. Do vậy, ông Ph, bà L1, anh Kh mỗi người nộp 640.000 đồng hoàn trả cho bà U và ông Lợi. Bà Th nộp 2.035.000 đồng để hoàn trả cho ông Lợi, bà Ưng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Hồng Ngự;
- CCTHADS thành phố Hồng Ngự;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tạng